

Bản án số: 96 /2019/HNGĐ-ST

Ngày: 07/7/2020

V/v “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Bình Triệu
2. Bà Hồ Lệ Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Hồng Như là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Ngày 07 tháng 7 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 177/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2020 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Út T, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp S, xã B, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau

2. Bị đơn: Chị Trương Thị H, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp S, xã B, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 10/3/2020 cũng như tại phiên tòa anh Lê Út T trình bày:*

Anh và chị H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1997 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 18/5/2009. Thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, chị H

không quan tâm đến gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi nhau nên anh chị đã ly thân từ năm 2014 đến nay. Xét thấy không thể tiếp tục chung sống với nhau nữa nên anh T yêu cầu được ly hôn với chị Trương Thị H.

Con chung các cháu Lê Thị Th, sinh ngày 30/12/1997 và Lê Thanh H1, sinh ngày 25/01/2004. Hiện con chung do anh T nuôi dạy. Khi ly hôn anh T yêu cầu tiếp tục nuôi dạy cháu H1, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Th đã trưởng thành nên anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Lê Út T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là chị Trương Thị H. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; chị H có địa chỉ tại ấp S, xã B, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của anh T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, có tổng đạt hợp lệ cho chị H nhưng chị H không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu của anh T và vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử và có tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng này cho chị H nhưng chị H vắng mặt tại các lần xét xử không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị H theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: Anh Lê Út T và chị Trương Thị H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1997 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 18/5/2009. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên anh chị đã ly thân từ năm 2014 đến nay mà không có thiện chí đoàn tụ nên anh T yêu cầu ly hôn với chị H. Điều này phù hợp với xác nhận ngày 04/6/2020 của Ủy ban nhân dân xã B. Xét thấy, trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có

tiến hành hòa giải để anh T và chị H có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả do chị H vắng mặt tại các lần hòa giải, xét xử không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa anh T và chị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho anh Lê Út T và chị Trương Thị H được ly hôn là phù hợp.

[4] Về con chung: Anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy cháu Lê Thanh H1, sinh ngày 25/01/2004. Xét thấy, cháu H1 hiện tại anh T đang nuôi dưỡng, việc hoán đổi nuôi con sẽ ảnh hưởng đến tình cảm của cháu. Đồng thời cháu H1 đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng sống cùng với anh T. Do đó, cần tiếp tục giao cháu H1 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Cháu Th hiện nay đã trưởng thành, có đủ khả năng tự nuôi sống bản thân, không ai yêu cầu nên không xét. Chị H không trực tiếp nuôi dạy con chung nhưng chị có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh T và chị H xác định thời gian chung sống anh chị không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Đồng thời, tại xác nhận ngày 10/3/2020 của Ủy ban nhân dân xã B xác nhận anh T và chị H không bị ai thừa kế về nợ tại địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Lê Út T phải chịu án phí – Theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 56, 81, 82, 83 của luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Anh Lê Út T và chị Trương Thị H được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Thanh H1, sinh ngày 25/01/2004 (giới tính nam) cho anh Lê Út T tiếp tục nuôi dạy. Chị Trương Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị H không trực tiếp nuôi dạy con chung nhưng chị có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Lê Út T phải nộp 300.000 đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Vào ngày 10 tháng 3 năm 2020 anh T có dự nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0011072 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Báo cho anh T biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng chị H vắng mặt nên có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Khoa

